

Số: 1460 /QĐ-ĐHHD

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tập trung tại Trường Đại học Hồng Đức.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 42/2007/QĐ-BGD-ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Quy chế HSSV trong các trường ĐH, CĐ, TCCN hệ chính quy; Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-ĐHHD, ngày 12/5/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ các văn bản hiện hành của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với HSSV tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy tập trung;

Xét đề nghị của các ông trưởng phòng: Kế hoạch-Tài chính, Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tập trung tại Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông trưởng phòng Kế hoạch- Tài chính, Quản lý Đào tạo, Công tác học sinh, sinh viên, các Trưởng khoa có học sinh, sinh viên, các đơn vị, đoàn thể liên quan và học sinh, sinh viên hệ chính quy tập trung chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng uỷ, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: P. CT HSSV, VT.



Nguyễn Mạnh An

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tập trung tại Trường Đại học Hồng Đức.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 146/QĐ-ĐHHD ngày 09 tháng 9 năm 2015)

Căn cứ chủ trương về chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với học sinh, sinh viên (HSSV) trong đào tạo; Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức hướng dẫn cụ thể việc thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV hệ chính quy (CQ), cụ thể như sau:

1. CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ CON CỦA HỌ

Căn cứ:

- *Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 và Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;*

- *Thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT-BLĐTĐ&XH-BGD-BTC ngày 20/11/2006 của Liên Bộ Bộ GD&ĐT - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục.*

1.1. Đối tượng

a. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh (TB), bệnh binh (BB), người hưởng chính sách như TB, nạn nhân bị ảnh hưởng chất độc hoá học;

b. HSSV là con liệt sỹ (CLS), con thương binh (CTB), con bệnh binh (CBB), con của người hưởng chính sách như thương binh (CNTB) mất sức lao động từ 21% trở lên;

c. Con bị dị dạng, dị tật của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH.

1.2. Phạm vi áp dụng

- HSSV hệ CQTT có thời gian đào tạo từ 01 năm trở lên; HSSV hệ liên thông lên trình độ đào tạo cao hơn (TC lên CĐ, CĐ lên ĐH, TC lên ĐH).

- HSSV thuộc diện hưởng ưu đãi mà cùng một lúc học ở nhiều trường hoặc nhiều ngành trong cùng một trường thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi mức cao nhất, bao gồm: trợ cấp một lần, trợ cấp hằng tháng và hỗ trợ học phí (nếu có) tại một trường.

- Không áp dụng chế độ trợ cấp hằng tháng đối với HSSV thuộc diện ưu đãi mà hưởng lương hoặc sinh hoạt phí trước khi đi học.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi giáo dục, đào tạo đối với HSSV thuộc diện ưu đãi trong các trường hợp sau:

+ Đang học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên;

+ Đã hưởng chế độ ưu đãi giáo dục, đào tạo ở một cơ sở đào tạo, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở đào tạo khác cùng cấp và trình độ đào tạo;

+ Đang học ở nước ngoài.

1.3. Thời gian chi trả

- Trợ cấp 1 lần được chi trả vào đầu năm học. Chi trả vào tháng 10 đối với học sinh học tại cơ sở giáo dục, chi trả vào tháng 11 đối với HSSV học tại cơ sở đào tạo.

- Trợ cấp hằng tháng được chi trả 2 lần / năm; lần 1 chi trả vào tháng 10 hoặc tháng 11 và lần 2 chi trả vào tháng 3 hoặc tháng 4. Trường hợp HSSV chưa nhận trợ cấp hằng tháng theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

- Sau khi thôi học, buộc thôi học, tốt nghiệp HSSV thuộc diện hưởng TCƯĐ thôi hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước.

- Các đối tượng hưởng TCƯĐ hằng tháng, sau khi tốt nghiệp ra trường được hưởng 1 lần 2 tháng trợ cấp thường xuyên (theo giấy giới thiệu của Trường hoặc Quyết định tuyển dụng lao động của cơ quan có thẩm quyền).

1.4. Thủ tục hồ sơ xin hưởng trợ cấp ưu đãi

Phòng Công tác HSSV (được Hiệu trưởng uỷ quyền) xác nhận vào sổ TCƯĐ từng học kỳ trong thời gian HSSV học tập tại trường.

2. HỌC BỔNG (HB) VÀ TRỢ CẤP XÃ HỘI (TCXH)

Căn cứ:

- *Quyết định 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về HB và TCXH đối với HSSV các trường đào tạo công lập;*

- *Thông tư số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 25/8/1998 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thực hiện Quyết định 1121/1997/QĐ-TTg ngày*

23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về HB và TCXH đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

- Quyết định số 239/1999/QĐ-TTg ngày 28/12/1999 về việc bổ sung, sửa đổi khoản a, điều 1 của Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về HB và TCXH đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

- Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg, ngày 21/12/2001 về việc điều chỉnh mức HBCS và TCXH đối với HSSV là người DTTS học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thông tư số 13/2002/TTLT/ BGDĐT-BTC ngày 28/3/2002 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức HBCS và TCXH đối với HSSV là người DTTS học tại các trường đào tạo công lập;

- Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ ĐH, CĐ, TCCN thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư Liên tịch số 13/2008/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTĐ&XH-BTC-BNV-UBND ngày 07/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ - Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ Cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ ĐH, CĐ TCCN thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về HBCS đối với HSSV tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư Liên tịch số 23/2008/TTLT/BGDĐT-BLĐTĐ&XH-BTC ngày 28/4/2008 của Liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về HBCS đối với HSSV tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐ&XH, của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I Phần II Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/ BGD&ĐT-BTC-BLĐTĐ&XH ngày 25/8/1998;

- Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về HBKKHT đối với HSSV trong các trường chuyên nghiệp, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục ĐH và TCCN thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về HBKKHT đối với HSSV trong các trường chuyên nghiệp, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và TCCN thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2.1. Học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT)

2.1.1. Đối tượng: HSSV đang học bậc ĐH, CĐ, TCCN hệ CQ tập trung.

2.1.2. Điều kiện

a. Có kết quả học tập từ loại khá trở lên: Điểm B (2.50 trở lên) với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, từ điểm 7.00 trở lên với hình thức đào tạo theo niên chế; lấy điểm thi lần 1, không có học phần/ môn thi nào dưới điểm 5.0 và kết quả rèn luyện từ loại khá trở lên (trừ các môn học giáo dục quốc phòng). Riêng học phần tiếng Anh phải được đăng ký học tập theo đúng chương trình đào tạo; nếu SV đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra thì sẽ được quy đổi sang điểm học tập của các học phần tương ứng để xét học bổng KKHT của 01 học kỳ.

b. HSSV đào tạo theo hệ thống tín chỉ phải đạt tối thiểu 15 tín chỉ /học kỳ, trừ học kỳ I đối với SV năm thứ Nhất và học kỳ cuối khóa. Đối với SV đã đạt chuẩn tiếng Anh thì số tín chỉ được xác định bằng 15 tín chỉ trừ số tín chỉ của học phần tiếng Anh tương ứng trong học kỳ đó.

c. Trong học kỳ xét cấp HB KKHT không bị hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên (kể cả vi phạm quy chế thi, kiểm tra).

d. Số suất HB được xác định với số lượng không quá 7% tổng số HSSV theo ngành học, khoá học (chỉ tính số chẵn); nếu phần thập phân từ 0,5 trở lên thì làm tròn thêm 1 suất; nếu có từ 2 HSSV trở lên trùng điểm thì suất HB cuối cùng được chia đều cho các HSSV trùng điểm; nếu số lượng HSSV đạt loại khá trở lên cao hơn số suất HB KKHT thì việc xét, cấp thực hiện theo thứ tự từ điểm cao xuống thấp, đến khi hết số suất HB đã xác định.

2.1.3. Tiêu chuẩn và mức cấp

a. HB loại xuất sắc: HSSV có kết quả học tập đạt loại xuất sắc (điểm TBCHT: tín chỉ: 3.60 trở lên; niên chế: 9.00 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại xuất sắc.

Mức cấp: ĐH: 380.000 đ/tháng, CĐ: 340.000 đ/tháng, TC: 300.000 đ/tháng.

b. HB loại giỏi: HSSV có kết quả học tập đạt loại giỏi (điểm TBCHT: tín chỉ: từ 3.20 đến 3.59; niên chế: từ 8.00 đến 8.99) và kết quả rèn luyện xếp loại tốt trở lên. Hoặc kết quả học tập đạt loại xuất sắc (điểm TBCHT: tín chỉ: 3.60 trở lên; niên chế: 9.00 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại tốt.

Mức cấp: ĐH: 330.000 đ/tháng, CĐ: 290.000 đ/tháng, TC: 250.000 đ/tháng.

c. HB loại khá: HSSV có kết quả học tập đạt loại khá (điểm TBCHT: tín chỉ: từ 2.50 đến 3.19; niên chế: từ 7.00 đến 7.99) và kết quả rèn luyện được xếp loại khá trở lên. Hoặc kết quả học tập đạt loại xuất sắc hay giỏi (điểm TBCHT: tín chỉ: 3.20 trở lên; niên chế: từ 8.00 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại khá.

Mức cấp: ĐH: 280.000 đ/tháng, CĐ: 240.000 đ/tháng, TC: 200.000 đ/tháng.

2.1.4. Nguồn quỹ, thời gian và thủ tục xét cấp

a. Quỹ HB KKHT được bố trí tối thiểu bằng 8% tổng nguồn thu học phí hệ giáo dục CQ và nguồn ngân sách nhà nước cấp bù học phí đào tạo các ngành sư phạm.

b. HB KKHT cấp theo học kỳ, mỗi học kỳ cấp 5 tháng và cấp 10 tháng/năm học.

c. Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của HSSV, các lớp, khoa tổ chức họp Hội đồng xét cấp HB KKHT, hồ sơ bao gồm:

- Cấp lớp HSSV: Biên bản họp lớp và danh sách đề nghị xét cấp HB KKHT.

- Cấp khoa:

+ Biên bản họp Hội đồng xét cấp HBKKHT;

+ Thống kê tổng hợp (theo mẫu: *M1a-HBKKHT*);

+ Danh sách HSSV đề nghị xét cấp HB KKHT (theo mẫu: *M1b-HBKKHT* - xếp thứ tự lớp - ngành đào tạo và đạt tiêu chuẩn về điểm học tập từ cao đến thấp);

* Hồ sơ xét cấp HBKKHT các khoa nộp về Nhà trường qua Phòng Công tác HSSV chậm nhất sau 15 ngày từ khi có kết quả học tập của học kỳ để Hội đồng xét cấp HBKKHT xem xét, trình Hiệu trưởng Quyết định.

2.2. Học bổng chính sách (HBCS)

2.2.1. Đối tượng: HSSV hệ cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ cho vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2.2. Mức học bổng chính sách:

a. Mức HBCS hằng tháng được cấp bằng 80% mức lương tối thiểu hiện hành của Nhà nước. HBCS được cấp 12 tháng/năm; đối với năm học cuối khoá được tính theo số tháng thực học của năm học đó.

b. Trợ cấp tiền ăn, ở, đi lại, mua sách vở, đồ dùng học tập, bảo hiểm y tế: mức trợ cấp bằng 50% mức lương tối thiểu hiện hành của Nhà nước và được cấp 10 tháng/năm. Riêng năm cuối khoá, thời gian được hưởng trợ cấp tính đến khi được công nhận tốt nghiệp, nếu số ngày của tháng cuối khoá lớn hơn ½ tháng thì được làm tròn 1 tháng, nếu nhỏ hơn hoặc bằng ½ tháng thì tính ½ tháng.

2.2.3. Trường hợp dừng cấp HBCS

a. HSSV bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận HBCS tính từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực.

b. HSSV bị đình chỉ học tập thì không được nhận HBCS trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lý do khác (không do kỷ luật hoặc tự thôi học).

2.2.4. Quy trình thực hiện

Căn cứ danh sách HSSV cử tuyển, Phòng Công tác HSSV tham mưu cho Hiệu trưởng cấp HBCS và kinh phí hỗ trợ trợ cấp cho HSSV.

2.3. Học bổng tài trợ

a. Học bổng tài trợ là học bổng của các cá nhân, tổ chức cấp cho HSSV thông qua Nhà trường. Tiêu chuẩn, số suất, giá trị mỗi suất, thời gian và thủ tục nhận học bổng do nhà tài trợ quy định.

b. Thực hiện cấp học bổng tài trợ:

+ Hằng năm, Hội khuyến học Nhà trường, Phòng Công tác HSSV, Đoàn TN, Hội SV nhận thông báo học bổng trực tiếp từ các cá nhân, tổ chức và đơn vị tài trợ, hoặc nhận gián tiếp thông qua các tổ chức, đơn vị trong trường. Căn cứ yêu cầu của nhà tài trợ, tiến hành phân bổ chỉ tiêu học bổng tài trợ cho các khoa và hướng dẫn lập hồ sơ xin cấp học bổng tài trợ.

+ Các khoa, Liên chi đoàn, Liên chi hội căn cứ yêu cầu của nhà tài trợ để xét chọn và lập hồ sơ gửi về Hội khuyến học Nhà trường qua Phòng Công tác HSSV để tổng hợp và gửi cho các cá nhân, tổ chức và đơn vị tài trợ ra quyết định.

+ Nhà trường tổ chức để các cá nhân, nhà tài trợ trao học bổng cho HSSV vào thời gian thích hợp.

c. Quản lý nguồn tài trợ:

Mọi nguồn học bổng tài trợ đều được tổng hợp và báo cáo Hội khuyến học Nhà trường. Khi có quyết định và danh sách HSSV nhận học bổng tài trợ, các đơn vị, đoàn thể tổ chức trao cho HSSV.

2.4. Trợ cấp xã hội

2.4.1. Đối tượng: HSSV hệ chính qui tập trung, bao gồm:

a. HSSV là người DTTS ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn (vùng hưởng chính sách theo Dự án 135 của Chính phủ).

Căn cứ để xác định người dân tộc ít người là giấy khai sinh bản gốc hoặc giấy kết hôn của bố mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị thất lạc), trong đó có ghi bố hoặc mẹ là người dân tộc ít người. Người dân tộc ít người ở vùng cao là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo).

b. HSSV là người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên, gặp khó khăn về kinh tế.

Căn cứ để xác định HSSV con mồ côi: Giấy chứng nhận của cơ quan LĐTB&XH cấp quận, huyện, thị xã trở lên, trên cơ sở đề nghị của UBND xã/phường/ thị trấn nơi HSSV cư trú hay có nhân khẩu thường trú.

c. HSSV là người tàn tật (theo quy định tại Nghị định 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật) và HSSV phải xuất trình biên bản giám định y khoa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

d. HSSV là thành viên hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập.

2.4.2. Mức hưởng, số tháng, thời gian và thủ tục hồ sơ hưởng TCXH

a. Mức trợ cấp:

- 140.000 đồng/ tháng cho HSSV là người DTTS ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn (vùng hưởng chính sách theo Dự án 135 của Chính phủ).

- 100.000 đồng/tháng cho HSSV thuộc diện trợ cấp xã hội còn lại.

b. Trợ cấp xã hội được cấp 12 tháng/năm, chia thành 02 đợt: đợt 1 cấp 08 tháng, từ tháng 01 đến tháng 8 và đợt 2 cấp 4 tháng, từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm.

c. Thủ tục hồ sơ:

Hồ sơ xin hưởng TCXH được thực hiện 01 lần/ năm (năm dương lịch), gồm:

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu *M2a-TCXH*);

- Bản sao công chứng giấy tờ, chứng nhận theo quy định, cụ thể:

+ HSSV là người DTTS ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn (vùng hưởng chính sách theo Dự án 135 của Chính phủ) phải nộp bản sao giấy khai sinh hoặc giấy kết hôn của cha mẹ (trong đó có ghi thời gian sống liên tục ít nhất 3 năm trở lên, tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo) và giấy xác nhận của UBND cấp xã/ phường/ thị trấn nơi cư trú.

+ HSSV là con mồ côi cả cha lẫn mẹ phải có xác nhận của UBND xã/ phường/ thị trấn nơi cư trú.

+ HSSV là người tàn tật, có khó khăn về kinh tế, suy giảm lao động từ 41% trở lên phải xuất trình biên bản giám định y khoa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ HSSV là CHN phải nộp bản sao công chứng quyết định hoặc sổ chứng nhận CHN do Chủ tịch UBND xã/ phường/ thị trấn cấp theo mẫu quy định.

Danh sách (*theo mẫu M2b-TCXH*) và hồ sơ xét cấp TCXH các khoa nộp về Trường qua Phòng Công tác HSSV trước ngày 15/02 (đợt 1) và trước ngày 30/09 (đợt 2, gồm: danh sách và hồ sơ xét cấp TCXH bổ sung). Riêng đối với sinh viên năm thứ nhất nộp hồ sơ chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Nhà trường ban hành danh sách duyệt tuyển để Hội đồng xét cấp TCXH xem xét, trình Hiệu trưởng Quyết định.

3. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC HỘ NGHÈO VÀ HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ:

- Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người DTTS học tại các cơ sở GDĐT.

- Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của liên Bộ: GD&ĐT, Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg.

3.1. Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách

- SV là người DTTS thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định;

- Thi đỗ vào học ĐH, CĐ hệ chính quy. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập không áp dụng đối với SV: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học ĐH, CĐ sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

3.2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng 10 tháng/ năm học/ SV, chia làm 2 đợt: đợt 1 từ tháng 01 đến tháng 06 và đợt 2 từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

3.3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ

3.3.1. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu *M3a- CPHT HNCN*);
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận HN, HCN do UBND xã, phường, thị trấn cấp;
- Bản sao Giấy khai sinh;

3.3.2. SV thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập phải nộp hồ sơ 01 lần/ năm dương lịch (theo hiệu lực của Giấy chứng nhận HN, HCN). Đối với SV năm thứ Nhất nộp hồ sơ sau khi hoàn thành các thủ tục nhập học với Nhà trường.

3.3.3. Trường hợp trong quá trình học tập, SV thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập không nộp đơn đề nghị kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo qui định thì chỉ được chi trả chi phí học tập tính từ ngày Nhà trường nhận được đầy đủ hồ sơ và không được giải quyết truy lĩnh tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với thời gian đã học từ trước thời điểm SV gửi hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ có liên quan.

Danh sách (*theo mẫu M3b-CPHT HNCN*) và hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (xếp theo thứ tự a, b, c và theo lớp) các khoa nộp về Nhà trường qua Phòng Công tác HSSV trước ngày 15/02 (đợt 1) và trước ngày 30/09 (đợt 2, gồm: danh sách và hồ sơ xét cấp TCXH bổ sung) để trình Hiệu trưởng Quyết định.

4. HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA PHƯƠNG TIỆN, ĐỒ DÙNG HỌC TẬP DÙNG RIÊNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO.

Căn cứ:

- Luật Người khuyết tật (Luật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam);

- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

- Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: GD&ĐT, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính quy định chính sách về GD đối với người khuyết tật.

4.1. Đối tượng: HSSV hệ CQ là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

4.2. Mức học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập

4.2.1. Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở; được cấp 10 tháng/ năm và cấp 2 lần/ năm: lần 1: từ tháng 01 đến tháng 06 và lần 2 từ tháng 9 đến tháng 12 hàng năm; số năm được hưởng học bổng theo thời gian đào tạo chính thức.

4.2.2. Người khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/người/năm.

4.3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ

4.3.1. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp tiền học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng (theo mẫu *M4a- HBKT-HNCN*);

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận về khuyết tật hoặc quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã về việc cấp trợ cấp xã hội;

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Bản sao Giấy khai sinh;

4.3.2. SV thuộc diện cấp tiền học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng phải nộp hồ sơ 01 lần/ năm (theo hiệu lực của Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo). Đối với SV năm thứ Nhất nộp hồ sơ sau khi hoàn thành các thủ tục nhập học với Nhà trường.

Danh sách (theo mẫu *M4b- HBKT-HNCN*) và Hồ sơ đề nghị cấp tiền học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng các khoa nộp về Nhà trường qua Phòng Công tác HSSV trước ngày 15/02 (đợt 1) và trước ngày 30/09 (đợt 2, gồm: danh sách và hồ sơ xét cấp TCXH bổ sung) để trình Hiệu trưởng Quyết định

5. HỌC PHÍ:

Căn cứ:

- Nghị định 74/2013/NĐ-CP, ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính

phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

- Quyết định 877/QĐ-ĐHHD ngày 03/9/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức quy định mức học phí đối với các bậc đào tạo hệ chính quy.

- Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

5.1. Chế độ học phí

a. Học phí là khoản tiền của gia đình người học hoặc người học phải nộp để góp phần bảo đảm chi phí cho các hoạt động giáo dục.

b. Mức đóng học phí.

- Đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường quy định mức đóng học phí cho mỗi tín chỉ; HSSV đóng học phí theo số lượng tín chỉ đăng ký từng học kỳ được Phòng Đào tạo chấp nhận.

- Đối với đào tạo niên chế, Nhà trường quy định mức đóng học phí năm học và phân bố học phí từng kỳ, HSSV đóng học phí theo mức quy định của Nhà trường.

c. HSSV vi phạm quy định về việc đóng học phí thì tùy theo mức độ vi phạm, Nhà trường sẽ xử lý từ cấm thi cho tới kỷ luật buộc thôi học.

5.2. Đối tượng đóng học phí

+ HSSV hệ chính quy tập trung đang theo học tại Trường Đại học Hồng Đức.

+ HSSV sư phạm không phải đóng học phí; HSSV sư phạm thuộc diện đào tạo theo địa chỉ (diện hợp đồng đào tạo) đóng học phí theo quy định hiện hành.

5.3. Hỗ trợ miễn, giảm học phí

Áp dụng cho HSSV hệ chính quy tập trung được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo hằng năm, cụ thể:

5.3.1. Đối tượng được miễn học phí

a. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11, ngày 29.06.2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

b. HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế thuộc diện hộ cận nghèo;

c. HSSV hệ cử tuyển;

d. HSSV người DTTS là thành viên thuộc gia đình hộ nghèo và hộ cận nghèo;

e. HSSV người dân tộc thiểu số rất ít người đang ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, gồm 16 dân tộc sau: La Ha, La Hủ, Pà Thèn, Chút, Lự, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Ngái, Si La, Pú Páo, Brâu, Rơ Măm, Ô Đu.

5.3.2. Đối tượng được giảm học phí

a. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm: học sinh, sinh viên các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với dạy nghề. Danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

b. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm: HSSV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

5.4. Nguồn chi trả: Nhà nước thực hiện cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục có đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo số lượng người học thực tế và mức thu học phí theo quy định.

5.5. Hồ sơ miễn, giảm học phí:

a. Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu **M5a-MHP** và **M5b-GHP**);

b. Bản sao công chứng giấy tờ chứng nhận theo quy định, gồm:

+ Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng: Thẻ thương binh, bệnh binh ... và bản sao Giấy khai sinh;

+ HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ: xác nhận của UBND xã/ phường/ thị trấn nơi cư trú;

+ HSSV bị tàn tật, khuyết tật: Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hoặc quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã về việc cấp trợ cấp xã hội;

+ HSSV người DTTS rất ít người: bản sao giấy khai sinh và xác nhận của UBND cấp xã/ phường/ thị trấn nơi cư trú;

+ Diện con cán bộ công nhân viên bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp: Sổ trợ cấp thường xuyên hoặc chứng nhận thương tật và bản sao giấy khai sinh.

+ HSSV dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: quyết định hoặc sổ chứng nhận con hộ nghèo, hộ cận nghèo do Chủ tịch UBND xã/ phường/ thị trấn cấp theo mẫu quy định và bản sao giấy khai sinh.

c. HSSV dân tộc thiểu số là thành viên thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp hồ sơ xin miễn học phí 1 lần/ năm học, vào học kỳ 2 trước ngày **28/02** hằng năm. Riêng năm thứ Nhất nộp hồ sơ sau khi Nhà trường ban hành danh sách duyệt tuyển; các đối tượng còn nộp hồ sơ 01 lần/ khóa học.

Danh sách (theo mẫu **M5c/MGHP**) và Hồ sơ HSSV được miễn, giảm học phí, các khoa nộp về Trường qua Phòng Công tác HSSV vào đầu mỗi học kỳ: kỳ 1 trước ngày 30/9 và kỳ 2 trước ngày 28/02 để Hội đồng xét miễn giảm học phí xem xét, trình Hiệu trưởng quyết định.

6. TÍN DỤNG ĐÀO TẠO:

Căn cứ:

- *Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với HSSV.*

- *Quyết định 1196/QĐ-TTg ngày 19/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức cho vay tín dụng học tập đối với học sinh, sinh viên.*

6.1. Đối tượng được vay vốn:

HSSV có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, cụ thể:

a. HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

b. HSSV là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

+ Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật (thu nhập bình quân đầu người dưới 400.000đ/tháng/người với nông thôn; 500.000đ/tháng/người với thành thị).

+ Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người dưới 501.000 đồng/tháng với nông thôn và 650.000 đồng/tháng với thành phố, thị xã.

c. HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

6.2. Phương thức cho vay:

- Việc vay vốn đối với HSSV được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình, đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách - Xã hội.

- Trường hợp HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động được trực tiếp vay vốn tín dụng tại ngân hàng Chính sách - Xã hội nơi nhà trường đóng trụ sở.

6.3. Điều kiện vay vốn:

- HSSV đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay có đủ các tiêu chuẩn quy định thuộc đối tượng được vay vốn.

- Đối với HSSV năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường; đối với HSSV từ năm thứ 2 trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên vì các hành vi cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

6.4. Mức vốn vay:

Mức vốn vay tối đa là 1.100.000 đồng /tháng/HSSV.

- Ngân hàng Chính sách - Xã hội quy định mức cho vay cụ thể đối với HSSV căn cứ vào mức thu học phí của từng trường và chi phí sinh hoạt theo vùng nhưng không vượt quá 1.000.000 đồng/ tháng.

- Khi chính sách học phí của Nhà nước có thay đổi và giá cả sinh hoạt có biến động, Ngân hàng Chính sách - Xã hội thống nhất với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh mức vốn vay.

6.5. Thời hạn cho vay:

- Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày HSSV được vay vốn, nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (cả gốc và lãi) được ghi trong hợp đồng tín dụng.

- Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

- Thời hạn phát tiền vay: Là khoảng thời gian tính từ ngày HSSV vay vốn nhận nợ vay đầu tiên cho đến ngày HSSV kết thúc khoá học, kể cả HSSV được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn.

- Thời hạn phát tiền vay được chia thành các kỳ hạn phát tiền theo từng học kỳ ở mỗi năm học.

- Thời hạn trả nợ: Là khoảng thời gian tính từ ngày đối tượng được vay vốn trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ (cả gốc và lãi).

- Thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

- Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do ngân hàng Chính sách - Xã hội quy định.

6.6. Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay ưu đãi đối với HSSV là 0.65%/tháng.
- Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

6.7. Hồ sơ vay vốn, trình tự vào thủ tục cho vay, trả nợ theo quy định của Ngân hàng, đầu mỗi học kỳ (học kỳ 1 vào tháng 8, 9, học kỳ 2 vào tháng 2, 3 hằng năm) các khoa lập danh sách HSSV có nhu cầu vay vốn tín dụng (theo mẫu **M08/CĐCS-TD**); căn cứ danh sách Nhà trường cấp giấy chứng nhận cho HSSV (theo mẫu **01/TDSV**).

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. HSSV thuộc diện được hưởng trợ cấp ưu đãi trong GD-ĐT đối với người có công với cách mạng và con của họ; học bổng chính sách; trợ cấp xã hội; hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người DTTS thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng đối với SV là người khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

7.2. Hướng dẫn này thực hiện từ học kỳ 1 năm học 2015-2016.

Căn cứ nội dung hướng dẫn trên, các đơn vị, đoàn thể tổ chức thực hiện chế độ chính sách cho HSSV trong đào tạo. Nếu có những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, các đơn vị, đoàn thể phản ánh về Ban giám hiệu thông qua Phòng Công tác HSSV./.



Nguyễn Mạnh An